

Số: 612 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19
(Từ 16h00 ngày 29/4/2022 đến 16h00 ngày 30/4/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 512,9 triệu ca, trên 6,2 triệu ca tử vong.

Tại Trung Quốc, cơ quan chức năng thủ đô Bắc Kinh thông báo người dân của thành phố này phải có kết quả xét nghiệm COVID-19 âm tính trong vòng 48 giờ mới được phép lui tới các địa điểm công cộng, quy định có hiệu lực từ ngày 30/4 và kéo dài trong đợt nghỉ lễ Ngày Quốc tế lao động 1/5 kéo dài 5 ngày, học sinh và người lao động cũng sẽ phải trình xét nghiệm trước khi quay trở lại trường học và nơi làm việc sau kỳ nghỉ. Trong khi đó, chính quyền thành phố Quảng Châu đang tăng tốc không chế ổ dịch COVID-19, theo đó quy định những người sử dụng phương tiện giao thông công cộng phải xuất trình kết quả xét nghiệm COVID-19 trong vòng 48 giờ, nhà chức trách khuyến cáo người dân không rời khỏi tỉnh Quảng Đông trong kỳ nghỉ lễ Quốc tế Lao động sắp tới.

Các quy định về Chứng chỉ số COVID-19 của Liên minh châu Âu (EU) sẽ hết hạn vào ngày 30/6 tới, Ủy ban Tư pháp và Nội vụ của Nghị viện châu Âu (EP) đã bỏ phiếu ủng hộ gia hạn sử dụng chứng chỉ này thêm một năm. Chứng chỉ số COVID-19 (có thời hạn 12 tháng) giúp khách du lịch chứng minh đã được tiêm phòng đầy đủ, có kết quả xét nghiệm âm tính với COVID-19 mới đây hay đã hồi phục sau khi mắc COVID-19 trong vòng 6 tháng qua. Việc sử dụng chứng chỉ này được thông qua vào tháng 6/2021 để tạo thuận lợi cho việc di chuyển tự do ở EU trong thời kỳ đại dịch.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 30/4/2022, cả nước ghi nhận 10.649.809 ca mắc, trong đó 10.643.630 ca trong nước. Đến nay đã có 9.262.255 người khỏi bệnh, 43.038 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 10.646.957 ca, trong đó có 10.642.060 ca trong nước, 9.259.438 người đã khỏi bệnh (87%), 43.003 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày

1. Số ca mắc mới trong ngày

Ghi nhận 5.109 ca dương tính, trong đó có 5.109 ca ghi nhận trong nước tại 56 tỉnh thành phố: Hà Nội (837), Phú Thọ (379), Yên Bái (250), Nghệ An (245), Quảng Ninh (209), Lào Cai (202), Thái Bình (183), Tuyên Quang (180), Bắc Ninh (174), Nam Định (163), Hưng Yên (163), Thái Nguyên (159), Bắc Kạn (150), Vĩnh

Phúc (150), Gia Lai (144), Quảng Bình (114), Ninh Bình (97), Lâm Đồng (95), Hà Tĩnh (86), Hải Dương (77), Sơn La (76), Hồ Chí Minh (71), Lai Châu (68), Cao Bằng (68), Bắc Giang (67), Bà Rịa - Vũng Tàu (62), Hà Nam (60), Hà Giang (57), Lạng Sơn (49), Thanh Hóa (47), Đắk Nông (45), Vĩnh Long (35), Bình Phước (34), Điện Biên (31), Đà Nẵng (30), Quảng Trị (28), Bình Định (25), Tây Ninh (25), Hòa Bình (22), Bình Dương (18), Quảng Ngãi (17), Phú Yên (17), Thừa Thiên Huế (16), Bến Tre (16), Hải Phòng (12), Quảng Nam (11), An Giang (8), Cà Mau (8), Khánh Hòa (6), Long An (4), Đồng Tháp (4), Kiên Giang (4), Đồng Nai (3), Hậu Giang (3), Bạc Liêu (3), Trà Vinh (2).

2. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 9.259.438 người đã khỏi bệnh (87%), tăng 16.727 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 1.344.516 trường hợp, trong đó có 475 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 376 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 50; (3) Thở máy không xâm lấn: 11; (4) Thở máy xâm lấn: 36; (5) Thở ECMO: 2.

- Trong ngày 29/4, ghi nhận 1 trường hợp tử vong (giảm 2 trường hợp so với ngày trước đó) tại Bắc Cạn.

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tiếp tục tổng hợp ý kiến của các Thành viên Ban Chỉ đạo Quốc gia và các cơ quan quan liên quan để hoàn thiện xây dựng Phương án bảo đảm công tác y tế ứng phó với các tình huống dịch COVID-19 năm 2022 – 2023 trên cơ sở Kế hoạch đáp ứng và phòng chống nhằm kết thúc tình trạng khẩn cấp của đại dịch COVID-19 trong năm 2022 được Tổ chức Y tế Thế giới ban hành ngày 31/3/2022, tham khảo kế hoạch đáp ứng của một số quốc gia và thực tiễn tình hình dịch bệnh tại Việt Nam.

- Bộ Y tế đang tiếp tục nghiên cứu, đánh giá, rà soát các quy định pháp luật và căn cứ tình hình dịch để chuyển biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 từ bệnh truyền nhiễm nhóm A sang bệnh truyền nhiễm nhóm B và trước mắt xem xét tạm dừng thực hiện khai báo y tế nội địa để tạo thuận lợi cho việc đi lại của người dân.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 29/4/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 45.240.937 mẫu cho 89.546.016 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 39.497.204 mẫu tương đương 85.798.077 lượt người, tăng 891 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 7.060.193 mẫu gộp cho 49.890.702 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiếp nhận và phân bổ vắc xin

Từ tháng 3/2021 đến ngày 30/4/2022, Việt Nam đã tiếp nhận 239.245.014 liều vắc xin phòng COVID-19, cụ thể:

1.1. Vắc xin tiêm cho người từ 12 tuổi trở lên

- Đã tiếp nhận: 234.637.014 liều
- Đã phân bổ: 211.318.990 liều
- Số vắc xin còn lại sẽ có kế hoạch phân bổ trong các tháng tiếp theo.

1.2. Vắc xin tiêm cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi

- Đã tiếp nhận: 4.608.000 liều
- Đã phân bổ: 2.304.400 liều
- Số vắc xin còn lại sẽ phân bổ cho các địa phương sau khi hoàn thiện các thủ tục kiểm định chất lượng và theo tiến độ tiêm chủng.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 29/4/2022

Cả nước đã tiêm 214.774.198 liều (trong ngày tiêm được 235.075 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 100,5% số vắc xin phân bổ 143 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng ¹	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100%	100%	57,2%
Trẻ em từ 12-17 tuổi	100%	96,4%	-
Trẻ em từ 5 – 11 tuổi	12,3%	0%	-

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 195.944.846 liều:
 - + Mũi 1: 71.457.483 liều
 - + Mũi 2: 70.144.411 liều ; Mũi bổ sung: 15.305.712 liều.
 - + Mũi 3: 39.037.240 liều
- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.372.711 liều:
 - + Mũi 1: 8.906.086 liều
 - + Mũi 2: 8.466.625 liều.
- Số liều tiêm cho trẻ từ 5-11 tuổi là 1.456.641 liều (mũi 1):
 - + 63/63 tỉnh, thành phố triển khai tiêm và có báo cáo kết quả hàng ngày về Bộ Y tế.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Tại nước ta, dịch bệnh vẫn được kiểm soát trên phạm vi cả nước, tuy nhiên dự báo thời gian tới dịch bệnh vẫn còn diễn biến khó lường trên thế giới, Tổ chức Y tế thế giới vẫn đánh giá thế giới vẫn đang trong giai đoạn đại dịch và cảnh báo

¹ Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có). Số liệu đối tượng từ 5 – 11 tuổi tổng hợp theo Công văn số 54/VSDTTU-TCQG ngày 07/01/2022 của Viện VSDTTU..

về những biến thể mới của vi rút SARS-CoV-2 có thể xảy ra làm cho diễn biến dịch COVID-19 trở nên phức tạp và gia tăng trở lại. Các bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục thực hiện hiệu quả, đồng bộ Nghị quyết số 38/NQ-CP về Chương trình phòng, chống dịch COVID-19, Nghị quyết số 128/NQ-CP về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; Bám sát tình hình dịch bệnh, chỉ đạo quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm đến tận cấp cơ sở; tiếp tục rà soát các quy định hiện hành để điều chỉnh kịp thời, triển khai thống nhất.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Các bộ, ngành, địa phương: (1) Tiếp tục tập trung triển khai nghiêm túc, hiệu quả chỉ đạo, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia phòng chống COVID-19; (2) Thực hiện hiệu quả, đồng bộ Nghị quyết số 38/NQ-CP về Chương trình phòng, chống dịch COVID-19, Nghị quyết số 128/NQ-CP về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; (3) Bám sát tình hình dịch bệnh, chỉ đạo quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm đến tận cấp cơ sở; (4) Xây dựng kế hoạch hành động, chuẩn bị nguồn lực chủ động ứng phó, sẵn sàng kịch bản đáp ứng kể cả khi xuất hiện biến chủng mới lây lan nhanh, nguy hiểm hơn; (5) Tiếp tục rà soát các quy định hiện hành để điều chỉnh kịp thời, triển khai thống nhất; trước mắt tiếp tục rà soát, cập nhật, điều chỉnh các chính sách để phục vụ phục hồi và phát triển du lịch, mở cửa lại trường học các cấp an toàn; chuẩn bị các điều kiện tổ chức SEA Games lần thứ 31 an toàn, hiệu quả, thành công; (6) Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan, địa phương và hợp tác quốc tế.

2. Về y tế: (1) Tiếp tục coi vắc xin là “vũ khí chiến lược”, là yếu tố quyết định, nền tảng trong phòng, chống dịch COVID-19; đẩy mạnh tiêm vắc xin mũi 3 cho đối tượng được chỉ định tiêm trong quý II/2022; hoàn thành việc tiêm mũi 2 cho trẻ em từ 12-18 tuổi; đẩy nhanh tiến độ tiếp nhận, nhập khẩu và phân bổ vắc xin cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi, hoàn thành việc tiêm chủng trong quý II/2022 để bảo đảm an toàn cho trẻ trong kỳ nghỉ hè và chuẩn bị cho năm học mới; (2) Từng bước tự chủ về thuốc, sinh phẩm xét nghiệm, vật tư y tế để chuẩn bị cho tình huống mọi tình huống dịch bệnh; (3) Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc quản lý rủi ro nhất là đối với các đối tượng nguy cơ cao (người cao tuổi, bệnh nền, trẻ em...); (4) Tiếp tục rà soát, khắc phục các tồn tại, hạn chế và nâng cao năng lực của hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở; (5) Đẩy mạnh việc nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin, thuốc, sinh phẩm xét nghiệm trong nước; rút gọn tối đa các thủ tục hành chính nhưng vẫn phải bảo đảm về chuyên môn, khoa học; (6) Rà soát, xây dựng các chính sách đãi ngộ, thu hút đối với cán bộ y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở.

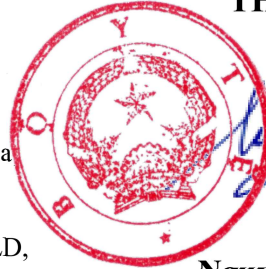
3. Tiếp tục rà soát các quy định hiện hành để giải quyết các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quản lý nhà nước đối với hoạt động mua sắm công trong lĩnh vực y tế; tiếp tục xử lý các vướng mắc, tồn tại liên quan tới công tác phòng, chống dịch của các bộ, ngành, địa phương; đồng thời tiếp tục đẩy mạnh phòng, chống tiêu cực, lãng phí, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về phòng, chống dịch.

4. Tăng cường công tác thông tin truyền thông, đấu tranh phản bác các thông tin xấu độc, tạo sự đồng thuận, củng cố niềm tin của nhân dân, tạo động lực thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ trong công tác phòng, chống dịch và phục hồi phát triển kinh tế - xã hội.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (đề báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (đề báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (đề báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia
- Đồng chí Bộ trưởng (đề báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHĐT, TTB, HTQT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 29/4	Số mắc ngày 30/4	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 30/4	Số tử vong tích lũy đến 29/4
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		6.068	5.109	-959	10.641.858	43.002
1	Hà Nội	843	837	-6	1.586.134	1.223
2	Hồ Chí Minh	95	71	-24	608.408	20.475
3	Nghệ An	262	245	-17	481.516	145
4	Bắc Giang	53	67	14	385.223	92
5	Bình Dương	20	18	-2	383.398	3.460
6	Vĩnh Phúc	214	150	-64	365.202	19
7	Hải Dương	230	77	-153	361.334	117
8	Quảng Ninh	204	209	5	343.424	141
9	Bắc Ninh	112	174	62	339.109	134
10	Phú Thọ	386	379	-7	316.654	97
11	Nam Định	150	163	13	294.628	148
12	Thái Bình	206	183	-23	265.813	23
13	Hưng Yên	168	163	-5	239.736	5
14	Hòa Bình	42	22	-20	203.968	104
15	Thanh Hóa	54	47	-7	197.867	105
16	Thái Nguyên	186	159	-27	183.996	110
17	Lào Cai	226	202	-24	179.696	38
18	Đắc Lắc			0	169.217	194
19	Lạng Sơn	66	49	-17	156.178	86
20	Tuyên Quang	224	180	-44	155.158	14
21	Cà Mau	19	8	-11	150.117	352
22	Sơn La	111	76	-35	149.550	
23	Yên Bái	280	250	-30	149.102	13
24	Bình Định	47	25	-22	138.809	283
25	Tây Ninh	34	25	-9	137.275	872
26	Quảng Bình	128	114	-14	125.593	76
27	Hà Giang	88	57	-31	121.234	81
28	Hải Phòng	45	12	-33	119.629	135
29	Khánh Hòa	12	6	-6	117.712	353
30	Bình Phước	58	34	-24	117.756	221
31	Đồng Nai	4	3	-1	106.639	1.859
32	BRVT	47	62	15	106.071	483
33	Đà Nẵng	99	30	-69	101.859	326
34	Vĩnh Long	16	35	19	100.287	816
35	Ninh Bình	66	97	31	99.536	90
36	Bến Tre	28	16	-12	96.485	480
37	Cao Bằng	90	68	-22	94.600	58
38	Lâm Đồng	95	95	0	91.211	138
39	Điện Biên	62	31	-31	87.748	20
40	Hà Nam	72	60	-12	83.514	62
41	Quảng Trị	64	28	-36	80.836	36
42	Bắc Kạn	174	150	-24	74.055	30
43	Lai Châu	83	68	-15	73.257	
44	Đắc Nông	38	45	7	72.654	46
45	Gia Lai	341	144	-197	68.616	116
46	Trà Vinh	4	2	-2	65.472	297

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 29/4	Số mắc ngày 30/4	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 30/4	Số tử vong tích lũy đến 29/4
47	Phú Yên	14	17	3	52.650	135
48	Bình Thuận	36		-36	52.291	470
49	Đồng Tháp	1	4	3	50.471	997
50	Cần Thơ	1		-1	49.436	945
51	Long An	11	4	-7	48.867	990
52	Hà Tĩnh	97	86	-11	49.116	51
53	Quảng Nam	12	11	-1	48.819	143
54	Quảng Ngãi	20	17	-3	47.233	124
55	Bạc Liêu	4	3	-1	46.346	470
56	T.T.Huế	7	16	9	46.176	172
57	An Giang	6	8	2	41.203	1.379
58	Kiên Giang	7	4	-3	39.751	1.022
59	Tiền Giang			0	36.196	1.220
60	Sóc Trăng			0	34.588	624
61	Kon Tum			0	26.237	
62	Hậu Giang	1	3	2	17.512	230
63	Ninh Thuận	5		-5	8.690	57
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVND TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	6.068	5.109	-959	10.642.060	43.002

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 29/4/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 143 đợt	Người từ 18 tuổi trở lên					Người từ 12-17 tuổi		Người từ 5-11 tuổi		Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bố 143 đợt
			Mũi 1	Mũi 2	Vắc xin Abdala mũi 3	Liều bổ sung	Mũi 3 (Liều nhắc lại)	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 1	Mũi 2		
1	Hà Nội	17.963.264	6.234.771	6.014.544	0	217.366	4.433.975	706.150	683.018	141.679	0	18.431.503	102,6%
2	Hải Phòng	4.468.396	1.699.550	1.627.840	0	579.401	456.392	173.649	174.568	210	0	4.711.610	105,4%
3	Thái Bình	3.472.250	1.163.617	1.206.430	98.660	327.322	594.659	154.504	148.346	30.834	0	3.724.372	107,3%
4	Nam Định	3.271.590	1.150.273	1.134.762	0	57.360	923.992	159.064	158.206	34.850	0	3.618.507	110,6%
5	Hà Nam	1.846.360	585.231	577.105	0	277.737	331.816	71.440	69.259	14.257	0	1.926.845	104,4%
6	Ninh Bình	1.905.400	675.426	668.271	0	312.896	430.096	82.255	79.446	18.929	0	2.267.319	119,0%
7	Thanh Hoá	7.822.380	2.205.107	2.145.276	290.250	431.363	1.874.212	288.213	283.647	50.188	0	7.568.256	96,8%
8	Bắc Giang	3.752.218	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.107.369	149.985	149.460	20.844	0	4.181.205	111,4%
9	Bắc Ninh	3.251.100	1.138.744	1.098.835	0	360.518	668.782	117.485	111.579	23.964	0	3.519.907	108,3%
10	Phú Thọ	2.787.240	1.004.997	1.007.672	0	292.711	581.800	131.870	131.148	31.650	0	3.181.848	114,2%
11	Vĩnh Phúc	2.455.070	796.339	778.681	0	242.994	459.242	118.199	115.239	10.284	0	2.520.978	102,7%
12	Hải Dương	3.710.276	1.336.461	1.295.294	6.607	103.301	809.825	157.247	155.092	18.337	0	3.882.164	104,6%
13	Hưng Yên	2.488.362	826.764	803.485	0	309.290	400.508	110.591	110.075	18.514	0	2.579.227	103,7%
14	Thái Nguyên	2.804.020	916.705	888.549	12.792	208.973	523.685	111.389	108.915	27.580	0	2.798.588	99,8%
15	Bắc Cạn	643.380	218.535	209.235	0	14.589	176.529	26.107	25.199	7.738	0	677.932	105,4%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 143 đợt	Người từ 18 tuổi trở lên					Người từ 12-17 tuổi		Người từ 5-11 tuổi		Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 143 đợt
			Mũi 1	Mũi 2	Vắc xin Abdala mũi 3	Liều bổ sung	Mũi 3 (Liều nhắc lại)	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 1	Mũi 2		
16	Quảng Ninh	3.325.368	1.013.444	987.870	0	21.625	900.410	124.328	120.979	24.082	0	3.192.738	96,0%
17	Hoà Bình	1.734.518	561.493	536.374	758	226.915	306.954	77.639	73.709	4.715	0	1.788.557	103,1%
18	Nghệ An	6.065.990	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	1.171.437	281.138	267.952	16.939	0	6.810.858	112,3%
19	Hà Tĩnh	2.418.870	806.370	760.336	0	283.419	308.234	114.854	113.130	9.672	0	2.396.015	99,1%
20	Lai Châu	862.810	257.690	248.487	529	108.498	150.309	55.404	50.056	13.487	0	884.460	102,5%
21	Lạng Sơn	1.759.230	512.480	506.666	0	0	439.743	68.745	63.485	15.212	0	1.606.331	91,3%
22	Tuyên Quang	1.540.540	494.479	491.270	0	86.532	355.251	76.946	75.283	4.197	0	1.583.958	102,8%
23	Hà Giang	1.774.160	492.137	482.299	557	212.591	245.604	89.616	87.609	11.182	0	1.621.595	91,4%
24	Cao Bằng	1.093.950	351.649	336.217	0	74.734	172.635	46.723	41.762	10.782	0	1.034.502	94,6%
25	Yên Bái	1.905.194	519.603	512.074	0	266.011	394.431	80.870	77.357	18.761	0	1.869.107	98,1%
26	Lào Cai	1.742.610	482.548	459.955	0	259.089	278.977	83.235	77.676	18.831	0	1.660.311	95,3%
27	Sơn La	2.166.970	742.528	714.930	2.362	0	542.628	144.688	135.245	19.302	0	2.301.683	106,2%
28	Điện Biên	1.172.360	337.457	320.684	0	232.382	92.862	76.484	63.854	26.073	0	1.149.796	98,1%
Cộng miền Bắc		90.203.876	29.835.495	29.099.429	911.548	6.238.138	19.132.357	3.878.818	3.751.294	643.093	0	93.490.172	103,6%
29	Quảng Bình	1.614.492	540.789	530.190	0	178.255	243.111	82.382	77.069	3.144	0	1.654.940	102,5%
30	Quảng Trị	1.321.572	434.113	420.650	10.632	65.646	266.434	66.157	61.034	5.341	0	1.330.007	100,6%
31	TT- Huế	2.625.706	787.903	769.533	0	286.734	407.423	105.332	100.403	21.122	0	2.478.450	94,4%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 143 đợt	Người từ 18 tuổi trở lên					Người từ 12-17 tuổi		Người từ 5-11 tuổi		Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bố 143 đợt
			Mũi 1	Mũi 2	Vắc xin Abdala mũi 3	Liều bổ sung	Mũi 3 (Liều nhắc lại)	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 1	Mũi 2		
32	Tp. Đà Nẵng	2.490.732	881.445	866.509	0	82.409	622.453	102.158	99.989	10.439	0	2.665.402	107,0%
33	Quảng Nam	3.240.460	1.086.446	1.056.310	32.545	439.225	435.396	132.605	130.337	9.414	0	3.322.278	102,5%
34	Quảng Ngãi	2.779.864	853.860	814.084	0	125.535	528.840	114.341	113.152	9.294	0	2.559.106	92,1%
35	Bình Định	3.038.070	1.054.239	1.022.484	53.984	367.380	475.217	143.001	139.708	8.645	0	3.264.658	107,5%
36	Phú Yên	1.752.054	627.013	606.764	508	81.418	324.600	87.658	80.004	9.694	0	1.817.659	103,7%
37	Khánh Hòa	2.786.758	979.988	953.968	0	396.199	361.972	123.377	117.591	13.658	0	2.946.753	105,7%
38	Ninh Thuận	1.245.410	432.691	404.793	0	156.236	181.076	62.085	59.430	6.939	0	1.303.250	104,6%
39	Bình Thuận	2.747.980	916.010	889.858	7.207	286.446	228.171	132.951	124.294	14.065	0	2.599.002	94,6%
Cộng miền Trung		25.643.098	8.594.497	8.335.143	104.876	2.465.483	4.074.693	1.152.047	1.103.011	111.755	0	25.941.505	101,2%
40	Kon Tum	1.061.840	321.753	321.906	10.696	95.204	130.746	60.178	55.973	5.468	0	1.001.924	94,4%
41	Gia Lai	3.028.952	996.471	922.967	80.425	217.682	318.421	170.115	152.184	22.791	0	2.881.056	95,1%
42	Đắk Lắk	3.634.100	1.262.813	1.208.476	0	528.516	356.355	184.965	171.551	10.140	0	3.722.816	102,4%
43	Đắk Nông	1.368.440	403.464	399.700	0	221.093	185.726	68.281	66.310	12.924	0	1.357.498	99,2%
Cộng Tây Nguyên		9.093.332	2.984.501	2.853.049	91.121	1.062.495	991.248	483.539	446.018	51.323	0	8.963.294	98,6%
44	TP. HCM	20.631.120	7.400.971	6.689.749	0	683.075	4.270.266	735.844	686.773	223.455	0	20.690.133	100,3%
45	BR-VT	2.779.740	971.107	913.900	0	28.675	664.784	110.539	109.284	13.162	0	2.811.451	101,1%
46	Đồng Nai	6.669.198	2.840.333	2.746.943	0	181.425	765.350	298.695	274.599	78.584	0	7.185.929	107,7%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 143 đợt	Người từ 18 tuổi trở lên					Người từ 12-17 tuổi		Người từ 5-11 tuổi		Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bố 143 đợt
			Mũi 1	Mũi 2	Vắc xin Abdala mũi 3	Liều bổ sung	Mũi 3 (Liều nhắc lại)	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 1	Mũi 2		
47	Tiền Giang	3.913.790	1.325.690	1.281.775	131.267	107.052	869.427	158.435	158.800	13.089	0	4.045.535	103,4%
48	Long An	4.371.996	1.501.817	1.465.992	0	22.954	1.149.015	172.954	159.437	25.584	0	4.497.753	102,9%
49	Lâm Đồng	3.059.680	983.670	968.844	0	528.486	269.840	141.953	123.228	30.780	0	3.046.801	99,6%
50	Tây Ninh	2.736.548	948.968	897.255	0	32.549	521.713	109.710	101.513	5.281	0	2.616.989	95,6%
51	Cần Thơ	2.818.558	945.443	928.437	6.018	347.061	385.119	111.641	104.277	22.524	0	2.850.520	101,1%
52	Sóc Trăng	3.148.634	899.036	865.520	0	670.511	48.563	116.852	111.026	29.261	0	2.740.769	87,0%
53	An Giang	4.353.510	1.378.121	1.363.867	191.985	474.012	448.211	208.127	192.121	12.180	0	4.268.624	98,1%
54	Bến Tre	3.132.738	1.025.232	1.014.206	0	480.801	323.587	107.428	106.187	15.892	0	3.073.333	98,1%
55	Trà Vinh	2.240.712	698.980	685.479	0	14.376	521.092	98.647	94.348	20.764	0	2.133.686	95,2%
56	Vĩnh Long	2.643.220	779.434	767.419	0	290.711	455.988	94.167	89.326	17.840	0	2.494.885	94,4%
57	Đồng Tháp	3.788.606	1.161.677	1.220.823	148	385.947	606.117	159.914	142.815	26.924	0	3.704.365	97,8%
58	Bình Dương	6.370.052	2.634.142	2.196.403	0	163.789	1.440.424	199.855	167.983	32.184	0	6.834.780	107,3%
59	Bình Phước	2.441.604	753.676	723.821	0	222.229	328.414	109.584	100.949	24.198	0	2.262.871	92,7%
60	Kiên Giang	3.830.250	1.238.102	1.176.657	68.972	0	720.303	167.347	159.082	19.237	0	3.549.700	92,7%
61	Cà Mau	2.964.910	820.314	809.499	0	466.477	247.085	127.106	126.643	15.520	0	2.612.644	88,1%
62	Bạc Liêu	1.749.584	568.734	561.350	0	181.721	237.448	88.835	86.255	15.047	0	1.739.390	99,4%
63	Hậu Giang	1.567.734	533.015	515.645	0	257.745	153.680	74.049	71.656	8.964	0	1.614.754	103,0%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 143 đợt	Người từ 18 tuổi trở lên					Người từ 12-17 tuổi		Người từ 5-11 tuổi		Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 143 đợt
			Mũi 1	Mũi 2	Vắc xin Abdala mũi 3	Liều bổ sung	Mũi 3 (Liều nhắc lại)	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 1	Mũi 2		
Cộng miền Nam		85.212.184	29.408.462	27.793.584	398.390	5.539.596	14.426.426	3.391.682	3.166.302	650.470	0	84.774.912	99,5%

Ghi chú:

- 1.382.400 liều vắc xin Moderna đợt 143 có Quyết định phân bổ ngày 18/4/2022
- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 70.250 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.
- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế trực thuộc Trung ương của Bộ Quốc phòng tiêm được 1.468.056 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 374.053 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.
- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an tại Hà Nội tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 29/4/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Dân số từ 5-11 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 5-11 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 5-11 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	945.000	100,0%	100,0%	81,4%	100,0%	100,0%	15,0%	0,0%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	206.458	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	100,0%	0,1%	0,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	200.000	93,5%	96,9%	47,8%	100,0%	98,9%	15,4%	0,0%
4	Nam Định	1.159.000	159.266	230.518	99,2%	97,9%	79,7%	100,0%	99,3%	15,1%	0,0%
5	Hà Nam	612.219	72.258	108.982	95,6%	94,3%	54,2%	98,9%	95,8%	13,1%	0,0%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	123.949	100,0%	100,0%	64,6%	100,0%	97,2%	15,3%	0,0%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	469.354	100,0%	97,3%	85,0%	100,0%	99,4%	10,7%	0,0%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	260.234	100,0%	100,0%	86,5%	100,0%	99,6%	8,0%	0,0%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	182.176	99,3%	95,8%	58,3%	100,0%	95,6%	13,2%	0,0%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	211.047	99,5%	99,7%	57,6%	100,0%	100,0%	15,0%	0,0%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	172.635	100,0%	98,6%	58,1%	100,0%	99,4%	6,0%	0,0%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	242.117	99,4%	96,4%	60,3%	99,8%	98,4%	7,6%	0,0%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	161.948	100,0%	97,3%	48,5%	98,0%	97,6%	11,4%	0,0%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	166.828	99,9%	96,8%	57,0%	100,0%	100,0%	16,5%	0,0%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	39.755	99,3%	95,0%	80,2%	100,0%	100,0%	19,5%	0,0%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	151.613	99,3%	96,8%	88,3%	100,0%	99,5%	15,9%	0,0%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	115.613	98,5%	94,1%	53,8%	100,0%	100,0%	4,1%	0,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Dân số từ 5-11 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 5-11 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 5-11 tuổi
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	461.927	100,0%	100,0%	59,7%	100,0%	97,6%	3,7%	0,0%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	181.514	100,0%	95,6%	38,8%	99,5%	98,0%	5,3%	0,0%
20	Lai Châu	261.410	52.540	83.177	98,6%	95,1%	57,5%	100,0%	95,3%	16,2%	0,0%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	95.009	100,0%	100,0%	86,8%	100,0%	96,6%	16,0%	0,0%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	122.745	100,0%	100,0%	72,8%	100,0%	100,0%	3,4%	0,0%
23	Hà Giang	490.008	89.928	135.897	100,0%	98,4%	50,1%	99,7%	97,4%	8,2%	0,0%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	70.458	95,3%	91,1%	46,8%	100,0%	94,4%	15,3%	0,0%
25	Yên Bái	510.271	79.169	119.784	100,0%	100,0%	77,3%	100,0%	97,7%	15,7%	0,0%
26	Lào Cai	445.152	79.914	114.364	100,0%	100,0%	62,7%	100,0%	97,2%	16,5%	0,0%
27	Sơn La	737.237	141.675	186.527	100,0%	97,0%	73,6%	100,0%	95,5%	10,3%	0,0%
28	Điện Biên	339.186	67.539	99.253	99,5%	94,5%	27,4%	100,0%	94,5%	26,3%	0,0%
Cộng miền Bắc		28.807.267	3.786.256	5.658.882	100,0%	100,0%	66,4%	100,0%	99,1%	11,4%	0,0%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	112.968	99,8%	97,9%	44,9%	100,0%	96,9%	2,8%	0,0%
30	Quảng Trị	453.602	65.509	74.879	95,7%	92,7%	58,7%	100,0%	93,2%	7,1%	0,0%
31	TT- Huế	779.911	103.142	131.214	100,0%	98,7%	52,2%	100,0%	97,3%	16,1%	0,0%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	118.200	99,6%	97,9%	70,3%	99,9%	97,8%	8,8%	0,0%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	180.775	100,0%	97,2%	40,1%	94,5%	92,8%	5,2%	0,0%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	146.412	100,0%	95,5%	62,0%	99,5%	98,5%	6,3%	0,0%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	169.534	94,5%	91,7%	42,6%	97,6%	95,4%	5,1%	0,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Dân số từ 5-11 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 5-11 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 5-11 tuổi
36	Phú Yên	649.673	85.684	105.168	96,5%	93,4%	50,0%	100,0%	93,4%	9,2%	0,0%
37	Khánh Hòa	952.940	113.857	123.242	100,0%	100,0%	38,0%	100,0%	100,0%	11,1%	0,0%
38	Ninh Thuận	522.982	52.588	75.706	82,7%	77,4%	34,6%	100,0%	100,0%	9,2%	0,0%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	152.935	100,0%	98,6%	25,3%	100,0%	100,0%	9,2%	0,0%
Cộng miền Trung		8.742.625	1.133.285	1.391.033	98,3%	95,3%	46,6%	100,0%	97,3%	8,0%	0,0%
40	Kon Tum	333.913	59.255	79.368	96,4%	96,4%	39,2%	100,0%	94,5%	6,9%	0,0%
41	Gia Lai	950.154	166.462	212.499	100,0%	97,1%	33,5%	100,0%	91,4%	10,7%	0,0%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	230.749	99,7%	95,4%	28,1%	99,6%	92,3%	4,4%	0,0%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	94.245	99,7%	98,7%	45,9%	100,0%	96,3%	13,7%	0,0%
Cộng Tây Nguyên		2.955.037	480.304	616.861	100,0%	96,5%	33,5%	100,0%	92,9%	8,3%	0,0%
44	TP. HCM	6.690.998	808.824	898.537	100,0%	100,0%	63,8%	91,0%	84,9%	24,9%	0,0%
45	BR-VT	956.596	112.724	110.762	100,0%	95,5%	69,5%	98,1%	96,9%	11,9%	0,0%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	440.000	100,0%	100,0%	30,7%	100,0%	94,0%	17,9%	0,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	172.983	100,0%	98,6%	66,8%	99,9%	100,0%	7,6%	0,0%
48	Long An	1.452.231	167.662	184.624	100,0%	100,0%	79,1%	100,0%	95,1%	13,9%	0,0%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	179.662	100,0%	99,7%	27,8%	100,0%	93,5%	17,1%	0,0%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	116.688	99,4%	94,0%	54,6%	100,0%	98,2%	4,5%	0,0%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	125.456	99,7%	98,0%	40,6%	99,0%	92,5%	18,0%	0,0%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	201.296	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%	14,5%	0,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Dân số từ 5-11 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 5-11 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 5-11 tuổi
53	An Giang	1.371.622	198.826	222.440	100,0%	99,4%	32,7%	100,0%	96,6%	5,5%	0,0%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	132.151	98,7%	97,6%	31,1%	100,0%	100,0%	12,0%	0,0%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	120.411	100,0%	98,2%	74,6%	100,0%	98,0%	17,2%	0,0%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	106.867	100,0%	99,8%	59,3%	100,0%	97,4%	16,7%	0,0%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	178.550	93,3%	98,0%	48,7%	100,0%	89,3%	15,1%	0,0%
58	Bình Dương	2.066.553	180.024	275.081	100,0%	100,0%	69,7%	100,0%	93,3%	11,7%	0,0%
59	Bình Phước	758.594	107.044	139.023	99,4%	95,4%	43,3%	100,0%	94,3%	17,4%	0,0%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	215.957	100,0%	98,9%	60,5%	96,8%	92,0%	8,9%	0,0%
61	Cà Mau	813.771	112.247	126.774	100,0%	99,5%	30,4%	100,0%	100,0%	12,2%	0,0%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	105.959	99,3%	98,0%	41,5%	97,8%	95,0%	14,2%	0,0%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	78.567	99,4%	96,2%	28,7%	100,0%	100,0%	11,4%	0,0%
Cộng miền Nam		27.692.476	3.383.802	4.131.788	100,0%	100,0%	52,1%	100,0%	93,6%	15,7%	0,0%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 29/4/2022 đến 16h00 ngày 30/4/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 8.307 lượt người (nhập cảnh: 3.829, xuất cảnh: 4.478).
- + Tuyến VN-TQ: 934 lượt người (nhập cảnh: 422, xuất cảnh: 512).
- + Tuyến VN-Lào: 2.376 lượt người (nhập cảnh 1.337 xuất cảnh: 1.039).
- + Tuyến VN-CPC: 4.997 lượt người (nhập cảnh 2.070; xuất cảnh: 2.927).

II. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 30/4, TTXVN đang phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 21 tin/bài tiếng Việt; 56 ảnh trong nước và quốc tế; 05 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 02 đồ họa về tình hình dịch bệnh COVID-19 tại Việt Nam.

TTXVN đã lập các chuyên trang thông tin về dịch bệnh COVID-19 tại địa chỉ: <https://ncov.vnnet.vn/> và <https://covid19.vnnet.vn/>; đồng thời phổ biến thông tin trên các trang mạng xã hội của TTXVN bằng nhiều ngôn ngữ, được Facebook xác thực, đặc biệt là Fanpage (bản tiếng Việt) tại địa chỉ: www.facebook.com/ThongtanxaVietNam.

II. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tính đến hết 26/4, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.614.000 cuộc gọi (ngày 26/4 đã tiếp nhận và xử lý hơn 3 nghìn cuộc gọi).

14/4	15/4	16/4	17/4	18/4	19/4	20/4	21/4	22/4	23/4	24/4	25/4	26/4
275 0	252 5	306 0	222 9	236 4	343 7	310 8	320 5	285 5	212 8	169 2	294 1	337 9

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 26/4/2022 đã tiếp nhận hơn 314 nghìn cuộc (ngày 26/4/2022 đã tiếp nhận 10 cuộc).

Tiêu chí	13/4	14/4	15/4	16/4	17/4	18/4	19/4	20/4	21/4	22/4	23/4	24/4	25/4	26/4
Cuộc gọi đến	11	13	10	6	9	7	7	11	8	5	6	6	12	10

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 45.254.377, chiếm 47,17% dân số, 67,86% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.789.441 điểm đăng ký

+ Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 281.609.236

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 212.600.099

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 200.627.899

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 94,37%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.834.256

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

Tin, bài về COVID-19 chiếm 19%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử (3.141 tin, bài). Các cơ quan báo chí có nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: baotintuc.vn, vietnamplus.vn, laodong.vn, thanhnien.vn, vtv.vn, zingnews.vn, vnexpress.vn,...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCD Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19;

- Tuyên truyền công tác phòng, chống dịch của các bộ, ngành, địa phương, thúc đẩy tiêm vắc-xin cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi...

- Tuyên truyền nâng cao ý thức người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc giảm.

(2) Thông tin về công tác phòng, chống dịch:

- Bộ Y tế có văn bản hỏa tốc gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về việc tạm dừng áp dụng khai báo y tế tại cửa khẩu đối với COVID-19.

Văn bản của Bộ Y tế cho biết, hiện nay, dịch COVID-19 đã ghi nhận tại hầu hết các nước trên thế giới, đã có vaccine phòng bệnh đặc hiệu và có hiệu quả với các chủng virus SARS-CoV-2 hiện đang lưu hành; trong thời gian gần đây, dịch đã có xu hướng giảm cả số mắc và tử vong trên phạm vi toàn cầu.

Tại Việt Nam, Bộ Y tế cho biết dịch COVID-19 đã được kiểm soát trên phạm vi toàn quốc với tỷ lệ bao phủ vắc-xin phòng COVID-19 cao.

Căn cứ tình hình dịch COVID-19 và Nghị định số 89/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới, Bộ Y tế đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện các nội dung, cụ thể:

+ Duy trì giám sát hành khách nhập cảnh tại các cửa khẩu theo quy định tại Nghị định số 89/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới.

+ Chủ động cập nhật các tài liệu truyền thông, khuyến cáo phòng, chống dịch COVID-19 phù hợp với tình hình hiện nay và chủ động đưa tin kịp thời. Bộ Y tế tiếp tục cập nhật, cung cấp thông tin về hình hình dịch bệnh trên thế giới và trong nước để có các biện pháp phòng chống dịch phù hợp.

- Cục Công nghệ Thông tin, Bộ Y tế cho biết, đến nay hơn 2,7 triệu người Việt Nam đã có hộ chiếu vắc-xin phòng COVID-19. Chỉ những đối tượng đã được xác minh đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mới ký được xác nhận hộ chiếu vắc-xin.

Hộ chiếu vắc-xin điện tử là chứng nhận tiêm chủng COVID-19 điện tử do Bộ Y tế cấp cho người dân, sử dụng các tiêu chuẩn do Tổ chức Y tế thế giới và Liên minh Châu Âu ban hành hiện đang được sử dụng tại 62 quốc gia và trong thời gian tới sẽ có thêm các quốc gia khác sử dụng.

- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam làm việc với Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, lãnh đạo UBND TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh về giải pháp, phương án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế, nhất là chất thải lây nhiễm phát sinh từ hoạt động phòng, chống dịch COVID-19.

Theo báo cáo của Bộ Y tế, hiện nay có 38 tỉnh, thành phố thực hiện tốt việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế lây nhiễm tại các bệnh viện. Đáng chú ý, vẫn còn 25 tỉnh, thành phố chưa ban hành kế hoạch hoặc chưa bố trí kinh phí thu gom vận chuyển, xử lý chất thải y tế, chất thải lây nhiễm, gây khó khăn, lúng túng cho các cơ sở y tế trong việc tìm đơn vị để chuyển giao chất thải đưa đi xử lý. Trong tình hình dịch bệnh hiện nay, việc cách ly, điều trị người nhiễm COVID-19 chiếm tỉ lệ rất lớn, vì vậy, cần phải rà soát lại các hướng dẫn, tăng cường tập huấn, hỗ trợ người dân phân loại chất thải lây nhiễm; bổ sung phương án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải lây nhiễm tại nhà, có kiểm tra, giám sát không để phát tán mầm bệnh ra cộng đồng...

- Bộ Y tế đã họp các hội đồng chuyên môn, sẽ có hướng dẫn về tiêm vaccine phòng COVID-19 mũi 4 cho một số đối tượng, đồng thời tiêm mũi 3 cho trẻ từ 12- 17 tuổi.

Liên quan đến việc tiêm mũi 4, trong Thông báo 114/TB-VPCP kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Phiên họp lần thứ 14 Ban chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 trực tuyến với các địa phương, Thủ tướng giao Bộ Y tế và các cơ quan liên quan tiếp tục nghiên cứu việc tiêm mũi thứ 4 cho các đối tượng trong chỉ định tiêm, nhất là các đối tượng rủi ro cao như người cao tuổi, người có bệnh nền, người lao động tại các khu công nghiệp, đô thị lớn...

(3) Công tác phòng, chống dịch tại địa phương:

- TP. Hồ Chí Minh:

Lãnh đạo Sở Y tế TP. HCM cho biết, hiện nay số ca mắc COVID-19 mới mỗi ngày của Thành phố dưới 100 ca, chủ yếu là biến chủng Omicron, không triệu chứng. Số điều trị tại nhà còn khoảng 5.000 ca và 400 ca điều trị tại bệnh viện, trong đó một tín hiệu đáng mừng khi chỉ còn 23 ca thở máy, 3 tuần liên tiếp không có ca tử vong.

Tất cả phường, xã đều ở cấp độ dịch mức 1; 4 phường, xã ở cấp độ 2. Qua thời gian theo dõi, chưa phát hiện biến chủng BA4, BA5.

Hiện nay, số ca bệnh nặng ở các bệnh viện đã chiếm 3 tầng hầu như không còn, sau lễ 30/4 - 01/5 sẽ rút gọn lại các cơ sở thu dung điều trị COVID-19. Với tình hình hiện tại không cần lập trạm y tế lưu động, các quận, huyện sẽ chủ động chọn ngày ngưng hoạt động.

- Tỉnh Quảng Trị: Theo thống kê, trong đợt này, tỉnh Quảng Trị có 81.665 trẻ từ 5 - dưới 12 tuổi sẽ được tiêm vắc-xin phòng COVID-19. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật CDC tỉnh Quảng Trị cho biết, việc tổ chức tiêm vắc-xin phòng chống COVID-19 cho trẻ từ 5 dưới 12 tuổi có ý nghĩa hết sức quan trọng, trước tiên là để bảo vệ sức khỏe cho trẻ em trong tình hình dịch bệnh, góp phần giảm mắc bệnh cho trẻ em, giảm lây truyền giữa các thế hệ trong gia đình và các giáo viên, học sinh tại trường học. Đồng thời, giúp thúc đẩy các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, sớm đưa cuộc sống trở lại bình thường.